

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM DIỆN HẸP VỤ 1

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Số giống khảo nghiệm: 02

3. Vụ: Gieo tháng 09/2021

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

5. Điểm khảo nghiệm:

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thiện Kế, H. Sơn Dương, T. Tuyên Quang	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tam Quan, H. Vũ Thư, T. Thái Bình	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diễn Phong, H. Diễn Châu, T. Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Vĩnh Sơn, H. Vĩnh Thạnh, T. Bình Định	Đất thịt nhẹ
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tutra, H. Đơn Dương, T. Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hải, H. Tân Thành, T. Bà Rịa – Vũng tàu	Đất thịt nhẹ
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, T. Cần Thơ	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m² (15 m x 1,2 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

7. Mật độ, khoảng cách: Lượng giống cho 1ha: 300 – 500g

Trồng hàng đôi, hàng cách hàng 0,5 - 0,6m; cây cách cây 0,4 - 0,5 m. Mật độ: 35.000 - 40.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

- Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 800 - 1.000 kg, tùy theo pH đất canh tác.

- Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 100 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày Gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	05/09/2021	09/09/2021	12/12/2021
Đồng bằng sông Hồng	01/09/2021	05/09/2021	06/12/2021
Bắc Trung Bộ	20/09/2021	23/09/2021	23/12/2021
Duyên hải Nam Trung Bộ	15/09/2021	18/09/2021	16/12/2021
Tây Nguyên	05/09/2021	09/09/2021	12/12/2021
Đông Nam Bộ	01/09/2021	05/09/2021	06/12/2021
Đồng bằng sông Cửu Long	20/09/2021	23/09/2021	23/12/2021

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ tháng 09/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái

Tên Giống	Dạng cây	Hình dạng phiến lá	Đường kính bắp	Hình dạng bắp
CẢI BẮP TOP ONE 350	Đứng	Phẳng	17 - 25	Tròn dẹt
CẢI BẮP TOP ONE 242	Đứng	Phẳng	18 - 25	Tròn dẹt

Bảng 3 – Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng

Tên Giống	Ngày gieo - mọc (Ngày)	Ngày gieo - Cuốn bắp (Ngày)	Thời gian sinh trưởng (Ngày)	Chiều cao cây (cm)	Sinh trưởng của cây (1-5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	3 - 5	35 - 40	90 - 98	40 - 50	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	3 - 5	40 - 45	90 - 98	40 - 50	2

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 4 – Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)

Tên Giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
CẢI BẮP TOP ONE 350	2	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	2	2	1

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm; 4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính

Tên giống	Bệnh thối nhũn (Điểm 1-9)	Bệnh đốm vòng (Điểm 1-9)	Sâu tơ (Điểm 1-3)	Sâu xanh (Điểm 1-3)
CẢI BẮP TOP ONE 350	3	1	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	1	3	2	1

Bảng 6 – Năng suất tính theo cá thể (cây), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng bắp (điểm 1 - 5)

Tên giống	Trọng lượng bắp (g)	Năng suất (tấn/ha)	Độ giòn, ngọt (điểm 1 - 5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	1500 - 2000	25 - 29	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	1500 - 2000	25 - 29	2

12. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do Công ty đề ra theo TCCS 10:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC

Phan Thị Triều Tâm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẸP VỤ 2****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Số giống khảo nghiệm: 02**3. Vụ:** Gieo tháng 12/2021**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thiện Kế, H. Sơn Dương, T. Tuyên Quang	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tam Quan, H. Vũ Thư, T. Thái Bình	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diễn Phong, H. Diễn Châu, T. Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Vĩnh Sơn, H. Vĩnh Thạnh, T. Bình Định	Đất thịt nhẹ
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tutra, H. Đơn Dương, T. Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hải, H. Tân Thành, T. Bà Rịa – Vũng tàu	Đất thịt nhẹ
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, T. Cần Thơ	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m² (15 m x 1,2 m) kê cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên**7. Mật độ, khoảng cách:** Lượng giống cho 1ha: 300 – 500g

Trồng hàng đôi, hàng cách hàng 0,5 – 0,6m; cây cách cây 0,4 – 0,5 m. Mật độ: 35.000 – 40.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

- Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 800 - 1.000 kg, tùy theo pH đất canh tác.

- Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 100 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	03/12/2021	07/12/2021	11/03/2022
Đồng bằng sông Hồng	15/12/2021	19/12/2021	23/03/2022
Bắc Trung Bộ	01/12/2021	04/12/2021	09/03/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	12/12/2021	15/12/2021	20/03/2022
Tây Nguyên	20/12/2021	25/12/2021	30/03/2022
Đông Nam Bộ	05/12/2021	09/12/2021	05/03/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	10/12/2021	13/12/2021	12/03/2022

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ tháng 02 - 04/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm. Sâu hại ở mức thấp, bệnh hại ở mức trung bình không gây ảnh hưởng lớn đến kết quả thí nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái

Tên Giống	Dạng cây	Hình dạng phiến lá	Đường kính bắp (cm)	Hình dạng bắp
CẢI BẮP TOP ONE 350	Đứng	Phẳng	18 - 25	Tròn dẹt
CẢI BẮP TOP ONE 242	Đứng	Phẳng	18 - 25	Tròn dẹt

Bảng 3 – Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng

Tên Giống	Ngày gieo - mọc (Ngày)	Ngày gieo - Cuốn bắp (Ngày)	Thời gian sinh trưởng (Ngày)	Chiều cao cây (cm)	Sinh trưởng của cây (Điểm 1-5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	3 - 5	40 - 45	90 - 100	40 - 50	2
CẢI BẮP TOP ONE 242	3 - 5	45 - 50	90 - 100	40 - 50	1

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 4 – Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)

Tên Giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
CẢI BẮP TOP ONE 350	2	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	2	2	1

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm; 4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính

Tên giống	Bệnh thối nhũn (Điểm 1-9)	Bệnh đốm vòng (Điểm 1-9)	Sâu tơ (Điểm 1-3)	Sâu xanh (Điểm 1-3)
CẢI BẮP TOP ONE 350	3	1	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	3	1	1	2

Bảng 6 – Năng suất tính theo cá thể (cây), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng bắp (điểm 1 - 5)

Tên giống	Trọng lượng bắp (g)	Năng suất (tấn/ha)	Độ giòn, ngọt (Điểm 1 - 5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	1400 - 2000	24 - 30	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	1500 - 2000	25 - 30	2

11. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 10:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành khảo nghiệm thêm ở vụ khác và tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Tâm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM ĐIỆN HẠP VỤ 3

1. Tên giống khảo nghiệm:

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Số giống khảo nghiệm: 02

3. Vụ: Gieo hạt tháng 08 - 09/2022

4. Phương pháp khảo nghiệm: Áp dụng Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.

5. Điểm khảo nghiệm:

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thiện Kế, H. Sơn Dương, T. Tuyên Quang	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tam Quan, H. Vũ Thư, T. Thái Bình	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diễn Phong, H. Diễn Châu, T. Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Vĩnh Sơn, H. Vĩnh Thạnh, T. Bình Định	Đất thịt nhẹ
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tutra, H. Đơn Dương, T. Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hải, H. Tân Thành, T. Bà Rịa – Vũng tàu	Đất thịt nhẹ
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	Q. Ô Môn, TP. Cần Thơ, T. Cần Thơ	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 18 m²(15 m x 1,2 m) kể cả rãnh luống. Số lần lặp lại 3 lần theo mẫu ngẫu nhiên

7. Mật độ, khoảng cách: Lượng giống cho 1ha: 300 – 500g

Trồng hàng đôi, hàng cách hàng 0,5 – 0,6m; cây cách cây 0,4 – 0,5 m. Mật độ: 35.000 – 40.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

- Phân chuồng hoai: 25 - 30 m³; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 800 - 1.000 kg, tùy theo pH đất canh tác.

- Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 100 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	10/08/2022	14/08/2022	16/11/2022
Đồng bằng sông Hồng	19/08/2022	23/08/2022	25/11/2022
Bắc Trung Bộ	09/08/2022	13/08/2022	15/11/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	03/09/2022	07/09/2022	10/12/2022
Tây Nguyên	01/08/2022	06/08/2022	09/11/2022
Đông Nam Bộ	08/09/2022	11/09/2022	11/12/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	05/09/2022	08/09/2022	06/12/2022

10. Kết quả khảo nghiệm

Trong vụ gieo hạt tháng 08 - 09/2022, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống khảo nghiệm. Tuy có mưa rải rác ở một số vùng ở giai đoạn mới trồng nhưng không ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm.

Bảng 2 - Tổng hợp một số đặc điểm hình thái

Tên Giống	Dạng cây	Hình dạng phiến lá	Đường kính bắp (cm)	Hình dạng bắp
CẢI BẮP TOP ONE 350	Đứng	Phẳng	18 - 25	Tròn dẹt
CẢI BẮP TOP ONE 242	Đứng	Phẳng	18 - 25	Tròn dẹt

Bảng 3 – Tổng hợp một số đặc điểm sinh trưởng

Tên Giống	Ngày gieo - mọc (Ngày)	Ngày gieo - Cuốn bắp (Ngày)	Thời gian sinh trưởng (Ngày)	Chiều cao cây (cm)	Sinh trưởng của cây (1-5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	5 - 7	40 - 45	90 - 100	40 - 50	2
CẢI BẮP TOP ONE 242	5 - 7	45 - 50	90 - 100	40 - 50	1

Điểm 1: Sinh trưởng rất khỏe; Điểm 2: Sinh trưởng khỏe; Điểm 3 sinh trưởng trung bình; Điểm 4: Sinh trưởng yếu; Điểm 5: sinh trưởng rất yếu

Bảng 4 – Khả năng chống chịu ngoài đồng ruộng với điều kiện ngoại cảnh bất thuận (theo thang điểm 1-5)

Tên Giống	Chịu hạn	Chịu nóng	Chịu lạnh
-----------	----------	-----------	-----------

CẢI BẮP TOP ONE 350	2	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	2	2	1

1 - Không bị hại; 2 - Hại nhẹ, phục hồi nhanh; 3 - Hại trung bình, phục hồi chậm;
4 - Hại nặng, ít khả năng phục hồi; 5 - Bị chết hoàn toàn

Bảng 5 - Mức độ nhiễm sâu, bệnh hại chính

Tên giống	Bệnh thối nhũn (Điểm 1 - 9)	Bệnh đốm vòng (Điểm 1 - 9)	Sâu tơ (Điểm 1 - 3)	Sâu xanh (Điểm 1 - 3)
CẢI BẮP TOP ONE 350	1	3	2	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	3	1	2	1

Bảng 6 – Năng suất tính theo cá thể (cây), năng suất thực thu (tấn/ha) và chất lượng bắp

Tên giống	Trọng lượng bắp (g)	Năng suất (tấn/ha)	Độ giòn, ngọt (Điểm 1 - 5)
CẢI BẮP TOP ONE 350	1400 - 2000	24 - 30	1
CẢI BẮP TOP ONE 242	1500 - 2000	25 - 30	2

11. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 10:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị tiến hành mở rộng diện tích gieo trồng để có thể đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương,

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Tâm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 1****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Số giống khảo nghiệm: 02**3. Vụ:** Gieo hạt tháng 12/2021**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông.**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thiện Kế, H.Sơn Dương, T.Tuyên Quang	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tam Quan, H.Vũ Thư, T.Thái Bình	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diễn Phong, H.Diễn Châu, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Vĩnh Sơn, H.Vĩnh Thịnh, T.Bình Định	Đất thịt nhẹ
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tutra, H.Đơn Dương, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hải, H.Tân Thành, T.Bà Rịa – Vũng tàu	Đất thịt nhẹ
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	Q.Ô Môn, TP.Cần Thơ, T.Cần Thơ	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 500 m² không lặp lại**7. Mật độ, khoảng cách:** Lượng giống cho 1ha: 300 – 500g

Trồng hàng đôi, hàng cách hàng 0,5 – 0,6 m; cây cách cây 0,4 – 0,5 m. Mật độ: 35.000 – 40.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

- Phân chuồng hoai: 25-30 m³; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 800-1.000 kg, tùy theo pH đất canh tác.

- Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 100 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính ảnh hưởng đến khảo nghiệm:

Trong vụ gieo hạt tháng 12/2021, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống.

Các giống khảo nghiệm nhiễm nhẹ các bệnh đốm vòng, thối nhũn, mức độ bị sâu tơi, sâu xanh gây hại không đáng kể.

10. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	03/12/2021	07/12/2021	11/03/2022
Đồng bằng sông Hồng	15/12/2021	19/12/2021	23/03/2022
Bắc Trung Bộ	01/12/2021	04/12/2021	09/03/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	12/12/2021	15/12/2021	20/03/2022
Tây Nguyên	20/12/2021	25/12/2021	30/03/2022
Đông Nam Bộ	05/12/2021	09/12/2021	05/03/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	10/12/2021	13/12/2021	12/03/2022

11. Kết quả diện rộng

Tên Giống	TGST (ngày)	Trọng lượng bắp (g)	Năng suất (tấn/ha)
CẢI BẮP TOP ONE 350	90 - 100	1.500 - 2.000	25 - 29
CẢI BẮP TOP ONE 242	90 - 100	1.500 - 2.000	25 - 30

12. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 10:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị khảo nghiệm thêm vụ khác để đánh giá chính xác hơn về các đặc tính nông học, chống chịu cũng như năng suất của các giống trong điều kiện sản xuất thực tế tại các địa phương.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Tâm

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ DIỆN RỘNG VỤ 2****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Số giống khảo nghiệm: 02**3. Vụ:** Gieo tháng 08 - 09/2022**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông,**5. Điểm khảo nghiệm:**

TT	Vùng khảo nghiệm	Cơ sở khảo nghiệm	Địa điểm	Loại đất trồng
1	Trung du miền núi phía Bắc	Công ty tự khảo nghiệm	X.Thiện Kế, H.Sơn Dương, T.Tuyên Quang	Đất thịt nhẹ
2	Đồng bằng sông Hồng	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tam Quan, H.Vũ Thư, T.Thái Bình	Đất phù sa cũ
3	Bắc Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Diễn Phong, H.Diễn Châu, T.Nghệ An	Đất phù sa
4	Duyên hải Nam Trung Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Vĩnh Sơn, H.Vĩnh Thịnh, T.Bình Định	Đất thịt nhẹ
5	Tây Nguyên	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tutra, H.Đơn Dương, T.Lâm Đồng	Đất đỏ bazan
6	Đông Nam Bộ	Công ty tự khảo nghiệm	X.Tân Hải, H.Tân Thành, T.Bà Rịa – Vũng tàu	Đất thịt nhẹ
7	Đồng bằng sông Cửu Long	Công ty tự khảo nghiệm	Q.Ô Môn, TP.Cần Thơ, T.Cần Thơ	Đất phù sa

6. Diện tích ô thí nghiệm: Diện tích ô thí nghiệm là 500 m² không lặp lại**7. Mật độ, khoảng cách:** Lượng giống cho 1ha: 300 – 500g

Trồng hàng đôi, hàng cách hàng 0,5 – 0,6m; cây cách cây 0,4 – 0,5 m. Mật độ: 35.000 – 40.000 cây/ha.

8. Phân bón: Lượng phân bón cho 1ha đất trồng

- Phân chuồng hoai: 25-30 m³; phân hữu cơ vi sinh: 1.000 kg; vôi bột: 800-1.000 kg, tùy theo pH đất canh tác.

- Phân vô cơ lượng nguyên chất: 150 kg N - 100 kg P₂O₅ - 120 kg K₂O.

9. Tóm tắt tình hình thời tiết và sâu bệnh hại chính ảnh hưởng đến khảo nghiệm:

Trong vụ tháng 08 - 09/2022, điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho sự sinh trưởng phát triển của các giống, Tuy có mưa cục bộ tại một vài địa phương vào giai đoạn mới trồng nhưng không ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm.

Các giống khảo nghiệm nhiễm nhẹ các bệnh đốm vòng, thối nhũn, mức độ bị sâu tơ, sâu xanh gây hại không đáng kể.

10. Kết quả về thời gian

Bảng 1 – Thời gian

Vùng khảo nghiệm	Ngày Gieo	Ngày mọc	Ngày thu hoạch
Trung du miền núi phía Bắc	10/08/2022	14/08/2022	16/11/2022
Đồng bằng sông Hồng	19/08/2022	23/08/2022	25/11/2022
Bắc Trung Bộ	09/08/2022	13/08/2022	15/11/2022
Duyên hải Nam Trung Bộ	03/09/2022	07/09/2022	10/12/2022
Tây Nguyên	01/08/2022	06/08/2022	09/11/2022
Đông Nam Bộ	08/09/2022	11/09/2022	07/12/2022
Đồng bằng sông Cửu Long	05/09/2022	08/09/2022	04/12/2022

11. Kết quả diện rộng

Tên Giống	TGST (ngày)	Trọng lượng cây (g)	Năng suất tươi (tấn/ha)
CẢI BẮP TOP ONE 350	90 - 100	1500 - 2000	25 - 30
CẢI BẮP TOP ONE 242	90 - 100	1500 - 2000	25 - 30

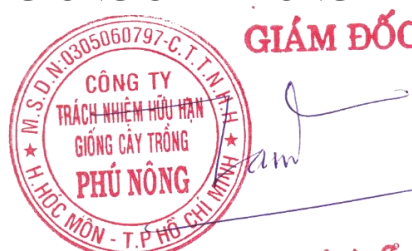
12. Kết luận và đề nghị

Các giống khảo nghiệm đều đáp ứng được các yêu cầu về giá trị canh tác và giá trị sử dụng do công ty đề ra theo TCCS 10:2021/PNS. Có mức độ sinh trưởng tốt, nhiễm sâu bệnh ít và thích ứng tốt với điều kiện với địa phương nơi khảo nghiệm.

Đề nghị Công ty được tự công bố lưu hành giống theo quy định để nông dân có nhiều lựa chọn trong việc tìm ra 1 giống mới phù hợp với sản xuất và điều kiện canh tác của vùng.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG



Phan Thị Kiều Kim

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ CANH TÁC VÀ GIÁ TRỊ SỬ DỤNG**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT****I. Thông tin chung****1. Tên giống khảo nghiệm:**

STT	TÊN GIỐNG
1	CẢI BẮP TOP ONE 350
2	CẢI BẮP TOP ONE 242

2. Địa điểm khảo nghiệm: Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh**3. Vụ:** Tháng 04 - 06/2021**4. Phương pháp khảo nghiệm:** Áp dụng TCCS 10:2021/PNS của Công ty TNHH Giống Cây Trồng Phú Nông,

- **Bố trí thí nghiệm:** Khảo nghiệm được tiến hành trong nhà lưới có mái che, bố trí theo kiểu tuần tự, nhắc lại 3 lần, mỗi lần nhắc 5 chậu có kích thước 35x25cm, thành cao 15-20cm.

Giống khảo nghiệm được gieo vào chậu trồng, hỗn hợp đất trồng gồm 30% phân chuồng hoai mục, 10% trấu hun, 60% đất thịt nhẹ. Trồng và chăm sóc bình thường, khi cây ở giai đoạn 20-25 ngày sau gieo thì tiến hành quá trình ngắt tưới và để hạn trong 3 ngày, sau đó theo dõi và mô tả thiệt hại của cây.

Tiến hành quan sát và đánh giá mức độ héo của cây, thời gian đánh giá 1 lần/ngày, vào 13-15h00 trong ngày; quan sát các thời gian khác bổ sung.

5. Ngày gieo: 16/04/2021 **Ngày mọc:** 19/04/2021 **Ngày đánh giá:** 06 - 11/05/2021**II. Kết quả khảo nghiệm:****Kết quả của khảo nghiệm tính chống chịu hạn**

Giống	Công thức xử lý hạn (Điểm đánh giá: 1,3,5,7,9)		
	1 ngày	2 ngày	3 ngày
CẢI BẮP TOP ONE 350	1	3	5
CẢI BẮP TOP ONE 242	1	3	5

III. Kết luận

Các giống tham gia khảo nghiệm có khả năng phát triển khá tốt trong điều kiện hạn của thí nghiệm kiểm soát 1 và 2 ngày không tưới, ở giai đoạn 3 ngày không tưới cả 2 giống cải bắp biểu hiện cây có lá bị héo nhẹ, rễ bị tổn thương và phục hồi chậm.

Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2022

CÔNG TY TNHH GIỐNG CÂY TRỒNG PHÚ NÔNG

GIÁM ĐỐC



Phan Thị Triều Gấm